

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP Ở THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

Trần Thị Kim Nhân¹, Lê Văn Thăng^{2*}

¹ Trường THPT Trần Đại Nghĩa, Tp. Tây Ninh

² Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

*E-mail: thanghue56@hueuni.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/8/2023; ngày hoàn thành phản biện: 14/8/2023; ngày duyệt đăng: 4/12/2023

TÓM TẮT

Mục tiêu bài báo hướng đến là đánh giá được thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp (SXNN) ở thành phố Tây Ninh. Trong nghiên cứu cho thấy, diện tích đất nông nghiệp của thành phố Tây Ninh là 11.190,08 ha, chiếm 79,97% tổng diện tích tự nhiên toàn thành phố. Bằng các phương pháp đánh giá về hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường được tính toán thông qua điều tra, phỏng vấn 90 hộ sản xuất nông nghiệp với 03 loại cây trồng: sắn, lúa và cao su ở 03 địa phương: phường 1, phường Ninh Sơn và xã Thạnh Tân. Kết quả cho thấy cây cao su mang lại hiệu quả cao nhất về kinh tế, xã hội và môi trường, kế tiếp là cây sắn và thấp nhất là cây lúa. Trên cơ sở đó, công trình đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại địa phương.

Từ khóa: Hiệu quả sử dụng đất, đất sản xuất nông nghiệp, Thành phố Tây Ninh.

1. MỞ ĐẦU

Đất đai là nguồn tài nguyên quốc gia vô cùng quý báu, mang nhiều ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, là yếu tố cần thiết của môi trường sống không chỉ cho sinh vật mà còn đối với con người, là địa bàn để phân bố các khu dân cư, là cơ sở để xây dựng những công trình kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, chương trình phát triển lương thực - thực phẩm là một trong ba chương trình kinh tế trọng điểm của nông nghiệp Việt Nam. Nông nghiệp nước ta đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm cho con người; cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp; cung cấp nguồn hàng xuất khẩu thu ngoại tệ; đồng thời giải quyết việc làm và là nguồn thu nhập chính của đại đa số người dân ở nông thôn. Với vai trò quan trọng như thế nhưng sản xuất nông nghiệp lại phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên:

đất, khí hậu, nguồn nước, sinh vật, dân cư và lao động, nguồn vốn, khoa học kỹ thuật,..... Vì vậy, vấn đề sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất là vấn đề trọng tâm đang được Đảng và Nhà nước quan tâm.

Những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất nói chung và đất nông nghiệp hay đất sản xuất nói riêng đã được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu: Nguyễn Thị Hằng (2016) ở huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; Trần Thiện Hùng (2018) ở huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình; Lò Thanh Tâm (2020) ở huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Theo nghiên cứu của các công trình trên, việc đánh giá hiệu quả sử dụng đất tập trung đánh giá ở 3 lĩnh vực: kinh tế, xã hội, môi trường. Trong đó, hiệu quả kinh tế thiên về đánh giá định lượng và hiệu quả xã hội và môi trường dùng ở phân tích định tính cho một số loại cây trồng phổ biến ở các địa bàn nghiên cứu.

Trên cơ sở đó, mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại thành phố Tây Ninh nhằm hỗ trợ người dân lựa chọn loại hình sử dụng đất phù hợp với điều kiện tự nhiên của vùng, vừa đem lại thu nhập ổn định cho người dân, vừa bảo vệ nguồn tài nguyên đất quý giá mà thiên nhiên đã ban tặng.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp

Thu thập những tài liệu thứ cấp nhằm mục đích phục vụ xác lập cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý phục vụ nghiên cứu đề tài như các luật, nghị định, thông tư, công trình nghiên cứu có liên quan đến hướng nghiên cứu. Nguồn tài liệu này được thu thập từ các cơ quan như Trung tâm thông tin Thư viện Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế,... và từ các website của Chính Phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ NN&PTNT,.... Các tài liệu, số liệu từ năm 2020 đến nay về: điều kiện tự nhiên, tài nguyên, tình hình phát triển KT – XH qua các năm; quy hoạch sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất,... Nguồn tài liệu này được thu thập từ các phòng, ban, cơ quan như Cục Thống kê Tây Ninh, Phòng Nông nghiệp thành Phố Tây Ninh, UBND thành Phố Tây Ninh, Phòng Tài Nguyên Môi trường thành Phố Tây Ninh,...

2.2. Phương pháp khảo sát thực địa, kết hợp điều tra xã hội học

- Nhằm mục đích thu thập thêm thông tin, tìm hiểu thực tế địa bàn, kiểm tra, đối chiếu tư liệu, chụp ảnh các loại hình sử dụng đất SXNN chủ yếu ở địa bàn nghiên cứu.

- Trong quá trình đi khảo sát thực địa, kết hợp tổ chức điều tra 90 hộ gia đình về kết quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp ở địa bàn nghiên cứu. Việc điều tra được thực hiện bằng cách phỏng vấn trực tiếp các hộ gia đình theo mẫu phiếu đã được thiết kế để

thu thập các thông tin chung về hộ gia đình, diện tích và sản lượng các loại cây trồng nông nghiệp, chi phí sản xuất, giá bán...

2.3. Phương pháp đánh giá

a. Đánh giá thành phần

Đánh giá hiệu quả kinh tế

Kết quả điều tra được sử dụng để phân tích các chi phí, lợi ích nhằm đánh giá định lượng hiệu quả kinh tế của SXNN chủ yếu ở địa bàn nghiên cứu theo loại hình sản xuất (lúa, sắn, cao su). Bài toán đánh giá được sử dụng theo nghiên cứu [1].

* Hiệu quả sử dụng đất SXNN được đánh giá qua các mặt sau:

Để đánh giá hiệu quả kinh tế bao gồm các chỉ tiêu sau:

- Lợi nhuận: Chỉ tiêu này được phản ánh qua NPV và PV.

Giá trị hiện tại thuần (NPV - Net present value): xác định giá trị hiện tại ròng khi chiết khấu dòng lợi ích và chi phí trở về với năm bắt đầu (năm thứ nhất). Đây là khoản chênh lệch giữa tổng các khoản thu và tổng các khoản chi phí của cả vòng đời cây trồng đã được đưa về cùng thời điểm hiện tại. NPV được sử dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng đất trồng cây cao su.

$$NPV = \sum_{t=1}^n \frac{B_t - C_t}{(1+r)^{t-1}} \quad (1)$$

Trong đó: B_t : lợi nhuận năm thứ t ; C_t : chi phí năm thứ t

t : thời gian tương ứng ($t=1....n$);

n : số năm tính toán hiệu quả sử dụng đất;

r : hệ số chiết khấu (lãi suất).

Giá trị hiện thời (PV - Present value): cho phép xác định lợi nhuận tại năm nào đó nên được sử dụng để đánh giá hiệu quả của các loại cây trồng hàng năm ở địa bàn nghiên cứu là lúa và sắn.

$$PV = P_t - C_t \quad (2)$$

Trong đó: PV: giá trị hiện thời;

B_t, C_t : lợi ích, chi phí năm thứ t .

- Tỷ suất lợi ích - chi phí (BCR - Benefit Cost Ratio): Khi hệ số BCR càng lớn thì hiệu quả đầu tư cho sử dụng đất SXNN càng cao. Đại lượng này cho phép so lựa chọn phương án đầu tư tối ưu.

Đối với cây hàng năm (lúa, sắn):

$$BCR = \frac{B_t}{C_t} \quad (3)$$

Đối với cây cao su: hệ số BCR được áp dụng công thức:

$$BCR = \frac{\sum_{t=1}^n \frac{B_t}{(1+r)^{t-1}}}{\sum_{t=1}^n \frac{C_t}{(1+r)^{t-1}}} \quad (4)$$

Đánh giá hiệu quả xã hội

Trong phạm vi nghiên cứu, hiệu quả xã hội gồm 02 tiêu: Giá trị ngày công lao động (LV), phúc lợi xã hội (Sb).

Đánh giá hiệu quả môi trường

Trong phạm vi nghiên cứu, hiệu quả môi trường gồm 02 chỉ tiêu: Mức độ sử dụng phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật (DPB); tỷ lệ che phủ đất (CPĐ).

* Mỗi chỉ tiêu được phân ra 4 cấp: Cao, khá cao, trung bình và thấp tương ứng với điểm số mỗi bậc là 4, 3, 2, 1.

Những chỉ tiêu định lượng thì phân cấp theo khoảng cách đều từ giá trị thấp nhất đến cao nhất. Những chỉ tiêu định tính thì trên cơ sở phân tích, so sánh giữa các loại hình sử dụng đất để nội suy và phân cấp.

b. Đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng đất

Sau khi đánh giá từng chỉ tiêu, sử dụng công thức của Armand tiến hành đánh giá tổng hợp cách tính điểm trung bình nhân của các chỉ tiêu:

$$M = \sqrt[n]{M_1 \times M_2 \times \dots \times M_n}$$

Trong đó:

M: Điểm đánh giá tổng hợp hiệu quả sử dụng đất cho từng loại hình sử dụng đất nông nghiệp;

n: Số lượng chỉ tiêu đưa vào đánh giá thành phần;

M₁, M₂, ..., M_n: Điểm đánh giá thành phần từng chỉ tiêu từ 1 đến n

Phân hạng hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo 4 hạng với khoảng cách điểm mỗi hạng được thể hiện qua bảng 1

Bảng 1. Phân hạng hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

TT	Điểm đánh giá tổng hợp	Phân hạng hiệu quả SDD nông nghiệp
1	3,26 - 4,00	Rất cao
2	2,51 - 3,25	Cao
3	1,76 - 2,50	Trung bình
4	1,00 - 1,75	Thấp

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Hiện trạng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Thành phố Tây Ninh là trung tâm kinh tế, văn hóa – xã hội của tỉnh Tây Ninh, với tổng diện tích tự nhiên hiện nay là 14.000.000 ha, chiếm 3.41% diện tích tự nhiên của tỉnh. Thành phố Tây Ninh có 10 đơn vị hành chính cấp phường xã; địa hình ít phức tạp, tương đối bằng phẳng và có độ dốc không lớn, ít bị chia cắt; thuộc kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nền nhiệt cao và khá đều trong năm, lượng mưa lớn và không có cực đoan đáng kể về khí hậu như mùa đông lạnh, gió bão, gió nóng, sương muối, sương mù,...; không có sông suối lớn chỉ có rạch Tây Ninh và mạng lưới các suối thuộc lưu vực sông Vàm Cỏ Đông nên chế độ thủy văn, nguồn nước phụ thuộc chủ yếu vào chế độ mưa và lưu lượng nước điều tiết từ thủy lợi Dầu Tiếng [3]; về diện tích đất sản xuất nông nghiệp: thành phố Tây Ninh có 10. 520,37 (chiếm 75, 19% tổng diện tích tự nhiên) **Error! Reference source not found.** thích hợp cho SXNN, xây dựng. Trong đó: nhóm đất xám: thích hợp với trồng cao su và cây công nghiệp hàng năm, nhóm đất đỏ vàng: rất thích hợp với trồng cà phê, cao su, hồ tiêu. Đây là tài nguyên độc đáo và quý giá đối với thành phố cần khai thác, bảo vệ cho phát triển SXNN theo hướng bền vững. Dân số toàn thành phố ước tính đến 31/12/ 2022 là 136 451 người (dân số trung bình) [2].

Sản xuất nông nghiệp của thành phố đã đạt được những thành tựu quan trọng về năng suất và sản lượng, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu về lương thực, thực phẩm của nhân dân trong thành phố. Tuy nhiên, việc bố trí một số loại cây trồng chưa hợp lý, mức độ phù hợp của cây trồng với một số loại đất chưa cao, do đó chưa đạt hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp. Trong đó, cây hàng năm và cây lâu năm là cây trồng chủ lực của thành phố nhưng chưa khai thác hết khả năng sản xuất của đất.

Xét về mặt tổng thể đất nông nghiệp, trong những năm qua diện tích đất nông nghiệp nói chung, đất sản xuất nông nghiệp nói riêng của thành phố có xu hướng giảm, đặc biệt là diện tích đất trồng lúa giảm đáng kể, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 –

2030 của thành phố không còn diện tích đất trồng lúa, chuyển diện tích đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp.

3.2. Hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

a. Hiệu quả kinh tế

Theo kết quả khảo sát, cây cao su được các hộ gia đình trồng tập trung vào những năm 2010 - 2015 với chu kỳ sản xuất là 20 đến 25 năm, năm thứ 5 hoặc năm thứ 6 là bắt đầu khai thác. Hàng năm, cây cao su đòi hỏi chi phí lớn về phân bón, thuốc BVTV, công chăm sóc... Đây là loại cây trồng quan trọng nhất và đem lại hiệu quả kinh tế cao cho các hộ gia đình ở thành phố Tây Ninh và tỉnh Tây Ninh.

Vì chu kỳ sản xuất của CLN dài nên việc tính toán hiệu quả kinh tế phải tính đến hệ số chiết khấu. Hệ số chiết khấu được lựa chọn là $r = 10\%$ tương ứng với mức lãi suất cho vay phổ biến được Nhà nước hỗ trợ trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2020 - 2025.

Hiệu quả kinh tế trung bình của việc sử dụng đất trồng cây cao su từ năm 2014 đến năm 2023 được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế của sử dụng đất trồng cao su ở thành phố Tây Ninh từ năm 2014 đến năm 2023

Loại hình sản xuất	NPV (1.000 đồng)				BCR	
	$r_1 = 10\%$		$r_2 = 6\%$		$r_1 = 10\%$	$r_2 = 6\%$
	NPV/ha/năm	NPV/hộ/năm	NPV/ha/năm	NPV/hộ/năm		
Cao su	32.741,07	64.971,84	41.345,62	92.861,71	4,21	4,96

[Nguồn: Tính toán từ kết quả phỏng vấn các hộ gia đình năm 2023]

Qua bảng 2 cho thấy, nếu xét trên cùng đơn vị 1 ha thì trồng cao su thu được lợi nhuận trung bình là 32,741 đến 41,345 triệu đồng (sau khi đã chiết khấu), nếu xét trên cùng một hộ gia đình trồng cao su thu được lợi nhuận trung bình là 64,971 đến 92,861 triệu đồng (sau khi đã chiết khấu). Về hiệu quả sử dụng đồng vốn trung bình trong một năm thì cứ 1 đồng chi phí bỏ ra thì trồng cao su thu về từ 4,21 đến 4,96 đồng.

Qua các đợt khảo sát thực địa cho thấy, hai loại cây hàng năm có ý nghĩa và diện tích lớn ở thành phố Tây Ninh là cây sắn và lúa. Hiệu quả kinh tế trung bình của việc sử dụng đất trồng cây sắn và lúa được thể hiện ở bảng 3.

Bảng 3. Hiệu quả kinh tế của sử dụng đất trồng sắn và lúa ở thành phố Tây Ninh năm 2023

Loại hình sản xuất	Lợi ích/hộ (1.000 đồng)	Chi phí/hộ (1.000 đồng)	PV/ha/năm (1.000 đồng)	PV/hộ/năm (1.000 đồng)	BCR
Sắn	48.250	22.906,67	25.132,64	25.343,33	2,16
Lúa	32.315,8	20.463,33	13.275,45	11.852,47	1,57

[Nguồn: Tính toán từ kết quả phỏng vấn các hộ gia đình năm 2023]

Qua bảng 3 cho thấy, nếu xét trung bình cả theo cùng đơn vị 1 ha và theo một hộ gia đình thì hiệu quả sản xuất của cây sắn đều cao hơn so với cây lúa. 1 ha sắn cho lợi nhuận trung bình là 25,132 triệu đồng/năm, trong khi 1 ha lúa chỉ đem lại lợi nhuận 13,275 triệu đồng/năm. Xét về hiệu quả sử dụng đồng vốn thì đất trồng sắn có hiệu quả cao hơn đất trồng lúa, cứ 1 đồng chi phí bỏ ra thì trồng sắn tạo ra được 2,16 đồng nhưng đối với trồng lúa chỉ được 1,57 đồng. Thêm vào đó, diện tích trồng sắn trung bình của các hộ cao hơn so với diện tích trồng sắn, lúa. Như vậy, có thể thấy cây cao su đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

b. Hiệu quả về xã hội

- **Giá trị ngày công lao động**

Giá trị ngày công lao động được tính bằng lợi nhuận chia cho tổng số ngày công lao động trực tiếp của gia đình trên đồng ruộng đối với từng loại hình sản xuất. Giá trị công lao động càng cao thì càng được các hộ gia đình duy trì SX nên hiệu quả xã hội của loại hình sản xuất đó càng cao.

Đối với cao su do đây là cây lâu năm nên trồng 1 lần thì sau 5 năm mới thu hoạch, nếu tính trung bình trong 1 năm thì giá trị 1 ngày công trực tiếp đối với trồng cao su là từ 272.840 đồng đến 344.540 đồng. Sắn có giá trị ngày công trung bình là 257.160 đồng. Lúa có giá trị ngày công lao động thấp nhất, trung bình chỉ 189.740 đồng, do chủ yếu lao động thủ công nên mất nhiều công lao động hơn mà lợi nhuận thu được lại thấp.

- **Phúc lợi xã hội**

Phúc lợi xã hội là một bộ phận thu nhập của người dân được sử dụng để góp phần thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của các thành viên trong các hộ gia đình.

Trong số các loại hình SX được lựa chọn thì trồng cây cao su phúc lợi xã hội cao vì cây này mang lại hiệu quả kinh tế cao, giá trị ngày công lao động cũng cao nên người dân có thu nhập dư thừa để thỏa mãn các nhu cầu vật chất và tinh thần của hộ gia đình. Trong khi đó, các cây hàng năm (sắn, lúa) mang lại hiệu quả kinh tế thấp hơn, giá trị ngày công lao động cũng thấp nên một số hộ điều tra không đủ thu nhập để lo cho cuộc sống gia đình, do đó phần thu nhập dư thừa nhằm thỏa mãn các nhu cầu phúc lợi xã hội là rất thấp.

Bảng 4. Phân cấp và cho điểm các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội của các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp ở thành phố Tây Ninh

Điểm Chi tiêu	4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Giá trị ngày công lao động (1.000 đồng)	Cao su 305,85 – 344,54	267,15 – 305,84	Sắn 228,45 – 267,14	Lúa 189,74 – 228,44
Phúc lợi xã hội	Cao su		Sắn	Lúa

[Nguồn: Tính toán từ kết quả phỏng vấn các hộ gia đình năm 2023]

c. Hiệu quả về môi trường

Trong phạm vi nghiên cứu, hiệu quả môi trường phản ánh ở khía cạnh khả năng chống xói mòn đất, mức độ sử dụng phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật (DPB).

Bảng 5. Phân cấp và cho điểm các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả môi trường của các loại hình sử dụng đất sản xuất nông nghiệp ở thành phố Tây Ninh

Điểm Chi tiêu	4 điểm	3 điểm	2 điểm	1 điểm
Khả năng chống xói mòn đất	Cao su			Sắn, lúa
Khả năng gây ô nhiễm đất	Cao su			Lúa, sắn

[Nguồn: Tính toán từ kết quả phỏng vấn các hộ gia đình năm 2023]

3.3. Đánh giá tổng hợp

Căn cứ hiệu quả kinh tế được tính toán kết hợp với việc lượng hóa đánh giá hiệu quả xã hội và môi trường ở các cấp: cao, khá cao, trung bình, thấp tương ứng với các điểm số 4, 3, 2, 1 được trình bày ở bảng 6.

Bảng 6. Kết quả đánh giá tổng hợp hiệu quả của một số loại hình sản xuất

STT	Loại hình sx Chi tiêu	Lúa	Sắn	Cao su
1	NPV/ha/năm hoặc PV/ha/năm	Thấp	Thấp	Cao
		1	1	4
2	BCR	Thấp	Thấp	Cao

		1	1	4
4	Giá trị ngày công lao động	Thấp	TB	Cao
		1	2	4
5	Phúc lợi xã hội	Thấp	TB	Cao
		1	2	4
6	Khả năng chống xói mòn đất	Thấp	Thấp	Cao
		1	1	4
7	Khả năng gây ô nhiễm đất	Cao	Cao	Thấp
		1	1	4
Điểm đánh giá tổng hợp		1,0	1,33	4,0

Qua bảng 6 kết hợp bảng 1 cho thấy: trong ba loại hình sản xuất được điều tra, thì cao su là loại hình có hiệu quả cao nhất (hạng rất cao), tiếp đến là sắn và thấp nhất là lúa (ở hạng thấp).

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp ở thành phố Tây Ninh

a. Giải pháp sử dụng đất tiết kiệm, khoa học, hợp lý, có hiệu quả và bền vững

- Sử dụng đất tiết kiệm, khoa học hợp lý, có hiệu quả: Quỹ đất đai của thành phố là có giới hạn, trong đó có đất sản xuất nông nghiệp trong ngày suy giảm, nhất là quỹ đất phù hợp với từng mục đích sử dụng ngày càng ít nên việc khai thác và sử dụng phải phù hợp với mục đích, đúng nhu cầu, có hiệu quả và bền vững.

- Sử dụng đất SXNN hợp lý theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chung của thành phố Tây Ninh bảo đảm lợi ích trước mắt cũng như lâu dài của người sử dụng đất và cộng đồng.

- Điều hòa giữa áp lực tăng dân số với tăng trưởng về kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng đất hiệu quả và bền vững.

- Bảo vệ môi trường để sử dụng đất ổn định lâu dài và phát triển bền vững: việc khai thác và sử dụng đất đai phải kết hợp chặt chẽ với công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước.

b. Giải pháp về vốn đầu tư và khoa học công nghệ

- Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn các hộ gia đình có nhu cầu vay vốn từ Quỹ hỗ trợ nghiệp Thành phố.

- Thực hiện tốt các cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi trong giao đất, đơn giản hóa các thủ tục vay và có chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hộ gia đình được vay vốn với lãi suất thấp, chu kỳ dài hạn để tái đầu tư, mở rộng sản xuất.

- Nhà nước cần có chính sách đầu tư hợp lý cho các nhà khoa học nghiên cứu ra các giống cây trồng, vật nuôi cho năng suất và chất lượng cao. Tạo ra các sản phẩm mới phục vụ cho việc tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả trong SXNN.

- Tăng cường nguồn vốn đầu tư cho các chương trình khuyến nông, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; khuyến khích, tạo điều kiện gắn kết giữa nông dân và doanh nghiệp, đảm bảo đầu ra cho sản phẩm...

- Trang bị đồng bộ và kịp thời các thiết bị máy móc đáp ứng nhu cầu công tác chuyển giao công nghệ vào sản xuất giúp nâng cao năng suất, chất lượng và sản lượng nông sản.

- Tăng cường công tác dự báo thông tin, tuyên truyền để người dân địa phương chủ động ứng phó với ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hiện tượng thiên tai, thời tiết bất thường, chủ động trong lập kế hoạch sản xuất nông nghiệp.

- Tổ chức các khóa đào tạo chuyên đề tương thích với chương trình ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp.

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tăng cường đào tạo, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, đặc biệt là đúc rút, nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ cao phù hợp với điều kiện sản xuất của người dân.

c. Giải pháp về thị trường tiêu thụ

- Tăng cường mối liên kết với các địa phương lân cận, đặc biệt là các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ, coi đây là một trong những giải pháp trọng tâm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thành phố nói chung và của ngành nông nghiệp nói riêng. Hợp tác, liên kết các vùng sản xuất tập trung gắn với chế biến xuất khẩu, góp phần nâng cao giá trị nông sản.

- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 -2025.

- Thành phố Tây Ninh hiện nay cơ sở chế biến nông sản còn hạn chế và chưa đa dạng. Vì vậy, cần đầu tư xây dựng thêm các cơ sở chế biến nông sản với quy mô phù hợp giúp tiêu thụ nông sản tại địa phương, nâng cao giá trị nông sản, đem lại lợi nhuận lớn hơn.

- Tiếp tục quan tâm, củng cố, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp hiện có; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động phát triển mới hợp tác xã nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hàng hoá chủ lực quy mô có

sức lan toả; phổ biến kiến thức, kỹ năng sản xuất nông nghiệp. Quy hoạch và hình thành các HTX dịch vụ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và đảm nhiệm dịch vụ đầu ra cho nông sản.

d. Giải pháp về cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

- Do thành phố Tây Ninh, đặc biệt là phường 1 và phường Ninh Sơn, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, cần thực hiện quá trình quản lý, bảo quản kênh mương được phân cấp, đẩy mạnh xử lý việc lấn chiếm lưu thông kênh; nâng cấp hạ tầng thủy lợi kết hợp với giao thông nội đồng, kiên cố hóa các hệ thống tưới tiêu. Khai thác, sử dụng nguồn nước thủy lợi tiết kiệm, hợp lý, đảm bảo nước cho sản xuất nông nghiệp.

- Hoàn thiện dần hệ thống giao thông, đặc biệt là các tuyến đường giao thông nông thôn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa cơ giới hóa vào SXNN và trong khâu vận chuyển sản phẩm.

e Giải pháp về nhân lực

- Để nâng cao trình độ ứng dụng các tiến bộ KH – KT vào sản xuất, thành phố Tây Ninh cần tổ chức các lớp tập huấn về ứng dụng công nghệ mới cho cán bộ khuyến nông và nông dân trong toàn thành phố.

- Cần tổ chức các buổi hội thảo, các lớp tập huấn, hướng dẫn áp dụng tiến bộ KH – KT, cũng như các buổi tổng kết hay tham quan vùng sản xuất điển hình nhằm giúp người dân nâng cao trình độ sản xuất.

- Thành phố Tây Ninh nên có chiến lược đào tạo, nâng cao trình độ và phân bổ biên chế hợp lý cho cán bộ khuyến nông ở các địa phương, nhất là mạng lưới cán bộ khuyến nông cấp phường, xã.

4. KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp ở thành phố Tây Ninh với 03 loại cây trồng (cao su, lúa, sắn) về kinh tế, cho thấy cây cao su có hiệu quả kinh tế cao nhất (1 ha thì trồng cao su thu được lợi nhuận trung bình là 32,741 đến 41,345 triệu đồng (sau khi đã chiết khấu), trong khi đó 1 ha sắn cho lợi nhuận trung bình là 25,132 triệu đồng/năm, 1 ha lúa chỉ đem lại lợi nhuận 13,275 triệu đồng/năm; về hiệu quả sử dụng đồng vốn 1 đồng chi phí bỏ ra thì trồng cao su thu về từ 4,21 đến 4,96 đồng, trong khi đó cứ 1 đồng chi phí bỏ ra thì trồng sắn tạo ra được 2,16 đồng nhưng đối với trồng lúa chỉ 1,57 đồng). Hiệu quả xã hội cao nhất (giá trị ngày công lao động trồng cao su 302,720 – 344,540 nghìn đồng, trong khi đó cây sắn là 257,160 nghìn đồng và lúa là 189,740 nghìn đồng) và hiệu quả môi trường cũng cao nhất (khả năng chống xói mòn cao hơn sắn và lúa, khả năng gây ô nhiễm đất lại thấp hơn sắn và lúa). Qua kết quả đánh giá hiệu quả SĐĐ về mặt kinh tế, xã hội và môi trường cho thấy sản xuất cao su là loại hình SĐĐ

có triển vọng phát triển bền vững trên địa bàn thành phố Tây Ninh, thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo hướng hàng hóa, mang lại giá trị kinh tế cao cho toàn thành phố và lợi ích của mỗi người dân. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả SĐĐ, loại hình sử dụng đất này cần được tiếp tục duy trì và tập trung phát triển, giảm bớt loại hình sử dụng đất sản xuất sắn, lúa về diện tích vì các loại hình sử dụng đất này kém hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thế Chinh, (2003), *Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [2]. Cục thống kê tỉnh Tây Ninh, *Niên giám thống kê tỉnh Tây Ninh năm 2021*, NXB thống kê 2023.
- [3]. Ủy ban nhân dân thành phố Tây Ninh (2021), *Báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 – 2030 Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh*.
- [4]. Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh (2023), *Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Tây Ninh*.

SOLUTIONS TO IMPROVE THE EFFICIENCY OF AGRICULTURAL LAND USE IN TAY NINH CITY, TAY NINH PROVINCE

Tran Thi Kim Nhan¹, Le Van Thang^{2*}

¹ Tran Dai Nghia High School of Tay Ninh City

^{2*} University of Sciences, Hue University

*Email: thanghue56@hueuni.edu.vn

ABSTRACT

The study aims to assess the current situation and propose solutions to improve the efficiency of agricultural land use in Tay Ninh city, Tay Ninh province. According to the study, the agricultural land area of Tay Ninh city is 11,190.08 ha, accounting for 79.97% of the total natural area of the whole city. The evaluation methods of economic efficiency, social efficiency and environmental efficiency were determined through surveys and interviews of 90 agricultural production households in the city growing three crops: cassava, rice and rubber. Three study sites were selected, including Ward 1, Ninh Son Ward and Thanh Tan Commune. The results showed that rubber tree had the highest economic, social and environmental efficiency, followed by cassava and rice had the lowest. On that basis, the study also proposes several solutions to improve the efficiency of agricultural land use in the study area.

Keywords: Land use efficiency, land for agriculture production, Tay Ninh City.



Trần Thị Kim Nhân sinh ngày 11/07/1982. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Sư phạm Sử - Địa trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh năm 2005. Hiện nay, bà công tác tại trường THPT Trần Đại Nghĩa, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Lĩnh vực nghiên cứu: Quản lý tài nguyên và môi trường; Biến đổi khí hậu.



Lê Văn Thăng sinh ngày 30/08/1958. Ông tốt nghiệp cử nhân ngành Địa lý tự nhiên tại Trường Đại học Tổng hợp Huế năm 1981. Năm 1996, tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Quản lý tài nguyên và môi trường tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Năm 2006, được phong PGS. Năm 2012, được phong tặng NGƯT. Hiện nay, ông công tác tại Khoa Môi trường, trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Quản lý tài nguyên và môi trường; Biến đổi khí hậu.